

MA TRẬN – ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 VẬT LÍ 10

Khung ma trận

- Mức độ đề: 40% nhận biết, 30% thông hiểu, 30% vận dụng
- + Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng: **12 câu** = 3 điểm
 - + Phần II. Trắc nghiệm Đúng - Sai: **2 câu** = 8 ý = 2 điểm
 - + Phần III. Trả lời ngắn: **8 câu** = 2 điểm
 - + Phần IV. Tự luận **3 câu** = 6 ý = 3 điểm

TT	Chương	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá															Tỉ lệ %
			Trắc nghiệm									IV. Tự luận			Tổng			
			I. TNKQ			II. Đúng/Sai			III. TLN									
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Mở đầu (4 tiết)	Làm quen với Vật lí học	1												1			2.5
		Các quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm Vật lí	1			1									2			5
		Thực hành tính sai số trong phép đo. Ghi kết quả đo.	1				1			1				1	2		7.5	
2	Động học (17 tiết)	Độ dịch chuyển và quãng đường đi được	1			1				1					2	1		7.5

		Tốc độ và vận tốc	1				1				1		1		1	2	1	12.5
		Thực hành: đo tốc độ của vật chuyển động	1							1			1	1			2	10
		Đồ thị độ dịch chuyển – thời gian	1			1						1		2	1			10
		Chuyển động thẳng biến đổi. Gia tốc	1				1			1			1	1	1	1	2	12.5
		Chuyển động thẳng biến đổi đều	1			1			1					2	1			7.5
		Sự rơi tự do	1				1						1	1	1	1	1	10
		Thực hành: đo gia tốc rơi tự do	1							1			1	1			2	10
		Chuyển động ném	1						1					1	1			5
Tổng số câu hỏi (lệnh hỏi)			12			4	4			4	4		2	4	16	10	8	34
Tổng số điểm			3			1	1			1	1		1	2	4	3	3	10
Tỉ lệ %			30%			20%			20%			30%			40	30	30	100%

Khung bản đặc tả đề thi

Chương	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá (chuẩn kiến thức – kĩ năng)	Phần I (TNKQ)	Phần II (Đ-S)	Phần III (TL ngắn)	Phần IV (Tự luận)
1. Mở đầu (4 tiết)	Làm quen với Vật lí học	Nhận biết: Nêu đối tượng, nhiệm vụ của Vật lí.	Câu 1			
		Thông hiểu: Vai trò Vật lí với KH-CN, đời sống.				
		Vận dụng: Lấy ví dụ ứng dụng Vật lí.				
	Các quy tắc an toàn trong PTN Vật lí	Nhận biết: Liệt kê quy tắc an toàn cơ bản.	Câu 2	Câu 1. a)		
		Thông hiểu: Giải thích nguyên nhân, hậu quả vi phạm.				
		Vận dụng: Xử lí tình huống mất an toàn.				
	Thực hành: Sai số và ghi kết quả đo	Nhận biết: Nêu khái niệm sai số.	Câu 3			
		Thông hiểu: Ý nghĩa của việc tính sai số.		Câu 1. b)	Câu 1	
		Vận dụng: Tính sai số, ghi kết quả phép đo.				
2. Động học (17 tiết)	Độ dịch chuyển và quãng đường	Nhận biết: Định nghĩa và phân biệt độ dịch chuyển, quãng đường.	Câu 4	Câu 1. c)		
		Thông hiểu: So sánh qua ví dụ.			Câu 2	
		Vận dụng: Giải bài toán phân biệt d và s.				
	Tốc độ và vận tốc	Nhận biết: Viết công thức tốc độ tb, định nghĩa vận tốc.	Câu 5			
		Thông hiểu: So sánh tốc độ và vận tốc.		Câu 1. d)	Câu 3	Câu 1. a)
		Vận dụng: Bài toán tính tốc độ/vận tốc thực tế.				
	Thực hành: đo tốc độ	Nhận biết: Trình bày phương pháp đo tốc độ.	Câu 6			
		Thông hiểu: Nhận xét ưu nhược điểm.				

		Vận dụng: Xử lý số liệu đo tốc độ			Câu 4	Câu 1. b)
Đồ thị độ dịch chuyển – thời gian	Nhận biết: Đọc độ dịch chuyển từ đồ thị d–t.	Câu 7	Câu 2. a)			
	Thông hiểu: Nhận dạng chuyển động đều/bđ.					Câu 2. a)
	Vận dụng: Tính vận tốc từ độ dốc đồ thị.					
Chuyển động thẳng biến đổi – Gia tốc	Nhận biết: Định nghĩa gia tốc, đơn vị.	Câu 8				
	Thông hiểu: Ý nghĩa vật lý của a.		Câu 2. b)			
	Vận dụng: Tính gia tốc từ số liệu/đồ thị.			Câu 5	Câu 2. b)	
Chuyển động thẳng biến đổi đều	Nhận biết: Viết công thức v, s theo t.	Câu 9	Câu 2. c)			
	Thông hiểu: Ý nghĩa công thức.			Câu 6		
	Vận dụng: Bài toán tính quãng đường, vận tốc.					
Sự rơi tự do	Nhận biết: Định nghĩa rơi tự do.	Câu 10				
	Thông hiểu: Ý nghĩa gia tốc g.		Câu 2. d)			
	Vận dụng: Bài toán tính v, s trong rơi tự do.					Câu 3. a)
Thực hành: đo gia tốc rơi tự do	Nhận biết: Trình bày cách đo g.	Câu 11				
	Thông hiểu: Phân tích nguồn sai số.					
	Vận dụng: Xử lý số liệu đo gia tốc rơi tự do.			Câu 7	Câu 3. b)	
Chuyển động ném	Nhận biết: Đặc điểm chuyển động ném (tách thành 2 chiều).	Câu 12				
	Thông hiểu: Giải thích sự kết hợp vx, vy trong chuyển động ném.			Câu 8		
	Vận dụng: Tính tầm ném, độ cao.					
Tổng số lệnh hỏi		12	8	8	6	